

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo tờ trình số 107/HTK-TT ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng)

TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
1			PHẠM THU NHÂN	Nữ	12/05/2010	Quảng Ngãi	Tuyển thẳng- HS Khuyết tật					NV1
2			NGUYỄN XUÂN THÀNH	Nam	23/02/2010	Quảng Ngãi	Tuyển thẳng- HS Khuyết tật					NV1
3			NGUYỄN NGỌC MINH PHƯƠNG	Nữ	02/12/2008	Đà Nẵng	Tuyển thẳng- HS Khuyết tật					NV1
4			TRẦN CAO KHÔI	Nam	20/07/2009	Quảng Ngãi	Tuyển thẳng- HS Khuyết tật					NV1
5	060222	P10	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	Nữ	15/02/2010	Quảng Ngãi	8.50	7.00	6.90	0	22.40	NV1
6	60233	P10	ĐỖ THỊ TRÀ MY	Nữ	21/05/2010	Quảng Ngãi	8.75	6.00	7.40	0	22.15	NV1
7	060426	P18	PHẠM THỊ MINH THU	Nữ	03/06/2010	Quảng Ngãi	9.00	6.25	6.60	0	21.85	NV1
8	060220	P10	PHẠM KHÁNH LY	Nữ	27/10/2010	Quảng Ngãi	8.50	5.75	7.50	0	21.75	NV1
9	060419	P18	PHẠM THỊ THANH THÙY	Nữ	01/05/2010	Quảng Ngãi	8.00	6.75	7.00	0	21.75	NV1
10	060186	P08	TRẦN THỊ ANH KHOA	Nữ	03/09/2010	Quảng Ngãi	8.75	7.25	5.70	0	21.70	NV1
11	060088	P04	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	13/01/2010	TP Hồ Chí Minh	7.50	6.25	7.80	0	21.55	NV1
12	060110	P05	NGUYỄN PHẠM HỒNG HẠNH	Nữ	02/06/2010	Quảng Nam	7.50	6.25	7.60	0	21.35	NV1
13	060431	P18	NGUYỄN ĐỨC TIỀN	Nam	08/09/2010	Quảng Ngãi	8.50	6.50	6.30	0	21.30	NV1
14	060132	P06	LÂM NGÔ HUY HOÀNG	Nam	12/11/2010	Quảng Ngãi	7.50	5.75	8.00	0	21.25	NV1
15	060459	P20	MAI THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	03/12/2010	Quảng Ngãi	7.50	5.75	7.90	0	21.15	NV1
16	060393	P17	VÕ THỊ NHƯ THẢO	Nữ	07/08/2010	Quảng Ngãi	8.50	4.75	7.40	0	20.65	NV1
17	060165	P07	TRỊNH TUẤN KHẢI	Nam	20/01/2010	Quảng Ngãi	8.00	7.50	4.90	0	20.40	NV1
18	060374	P16	PHẠM NGUYỄN NHẬT TÂM	Nam	20/08/2010	Quảng Ngãi	7.50	6.75	6.10	0	20.35	NV1
19	060249	P11	LÊ TUYẾT NGÂN	Nữ	03/12/2010	Quảng Ngãi	6.00	7.00	7.10	0	20.10	NV1
20	060396	P17	TRẦN QUYẾT THẮNG	Nam	30/04/2010	Quảng Ngãi	7.00	6.50	6.60	0	20.10	NV1
21	060168	P07	LÊ NGỌC KHANG	Nam	18/03/2010	Đà Nẵng	6.50	6.25	7.30	0	20.05	NV1
22	060504	P21	BÙI THẢO UYÊN	Nữ	25/04/2010	Quảng Ngãi	8.25	7.00	4.80	0	20.05	NV1
23	060283	P12	TÔN NGỌC VIỄN NHÀN	Nam	08/02/2010	Quảng Ngãi	8.25	6.00	5.60	0	19.85	NV1

TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
24	060322	P14	PHAN MINH PHÁT	Nam	27/02/2010	Quảng Ngãi	7.50	6.25	6.10	0	19.85	NV1
25	060248	P11	BẠCH NGỌC HÒA	Nữ	10/11/2010	Quảng Nam	7.00	6.50	6.30	0	19.80	NV1
26	060266	P12	HUỖNH KHÔI	Nam	23/11/2010	Quảng Ngãi	7.25	6.25	6.30	0	19.80	NV1
27	060307	P13	VÕ NGỌC QUỲNH	Nữ	29/11/2010	Quảng Ngãi	6.50	7.00	6.30	0	19.80	NV1
28	060410	P18	ĐÌNH NGỌC NHƯ	Nữ	22/10/2010	Quảng Ngãi	8.25	4.75	6.80	0	19.80	NV1
29	060244	P11	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	Nam	30/04/2010	Quảng Ngãi	8.00	5.75	5.90	0	19.65	NV1
30	060256	P11	LÊ THỊ HỒNG	Nữ	11/08/2010	Quảng Ngãi	8.75	5.50	5.30	0	19.55	NV1
31	060542	P23	PHAN LÊ CHÍ	Nam	06/04/2010	Quảng Ngãi	7.00	6.75	5.70	0	19.45	NV1
32	060319	P14	NGUYỄN MINH PHÁT	Nam	12/10/2010	Quảng Ngãi	5.50	6.00	7.60	0	19.10	NV1
33	060412	P18	NGUYỄN BÍCH	Nam	19/12/2010	Quảng Ngãi	7.75	7.00	4.30	0	19.05	NV1
34	060200	P09	NGUYỄN NGỌC LÊ	Nam	29/06/2010	Quảng Ngãi	7.00	5.75	6.10	0	18.85	NV1
35	060533	P23	NGUYỄN PHẠM ÁNH	Nữ	04/09/2010	Quảng Ngãi	7.50	5.75	5.60	0	18.85	NV1
36	060023	P01	NGÔ QUỐC BẢO	Nam	16/09/2010	Quảng Ngãi	6.25	6.75	5.80	0	18.80	NV1
37	060118	P05	NGUYỄN PHAN GIA	Nữ	27/12/2010	Quảng Ngãi	7.50	6.00	5.30	0	18.80	NV1
38	060198	P09	PHẠM TRẦN UY	Nam	21/01/2010	Quảng Ngãi	6.75	7.25	4.80	0	18.80	NV1
39	060269	P12	LƯU GIA	Nam	08/07/2010	Quảng Ngãi	7.75	5.00	6.00	0	18.75	NV1
40	060516	P22	NGUYỄN THÀNH	Nam	12/04/2010	Quảng Ngãi	7.50	5.00	6.20	0	18.70	NV1
41	060024	P01	NGUYỄN GIA	Nam	18/03/2010	Quảng Ngãi	6.75	5.50	6.40	0	18.65	NV1
42	060150	P07	LÊ THỊ KIM	Nữ	12/04/2010	Quảng Ngãi	8.50	5.25	4.90	0	18.65	NV1
43	060476	P20	LÝ XUÂN BẢO	Nam	11/02/2010	Quảng Ngãi	7.25	6.00	5.40	0	18.65	NV1
44	060162	P07	PHAN TÂN	Nam	04/10/2010	Quảng Ngãi	8.00	7.25	3.30	0	18.55	NV1
45	060058	P03	ĐỖ THỊ TRÀ	Nữ	12/06/2010	Quảng Ngãi	6.75	6.25	5.50	0	18.50	NV1
46	060077	P04	LÊ NGỌC ĐẠI	Nam	22/05/2010	Quảng Ngãi	6.25	6.25	6.00	0	18.50	NV1
47	060402	P17	PHAN THỊ LỆ	Nữ	17/04/2010	Quảng Ngãi	7.00	5.75	5.70	0	18.45	NV1
48	060025	P02	NGUYỄN GIA	Nam	23/05/2010	Quảng Ngãi	8.00	6.00	4.40	0	18.40	NV1
49	060366	P16	TRẦN QUỐC	Nam	09/09/2010	Quảng Ngãi	5.75	6.75	5.90	0	18.40	NV1
50	060544	P23	PHAN THỊ THANH	Nữ	26/09/2010	Quảng Ngãi	7.50	6.50	4.40	0	18.40	NV1
51	060094	P04	CHẾ THỊ TRƯỜNG	Nữ	31/08/2010	Quảng Ngãi	8.50	4.25	5.60	0	18.35	NV1

TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
52	060205	P09	PHẠM THỊ THÙY LINH	Nữ	20/04/2010	Quảng Ngãi	7.75	4.50	6.10	0	18.35	NV1
53	060057	P03	ĐỖ THỊ KHOA DIỄM	Nữ	30/10/2010	Quảng Ngãi	7.75	4.75	5.80	0	18.30	NV1
54	060338	P15	NGUYỄN VĂN PHÚC	Nam	23/01/2010	Quảng Ngãi	7.00	7.00	4.30	0	18.30	NV1
55	060383	P16	TRẦN DUY THÀNH	Nam	12/02/2009	Quảng Ngãi	6.25	7.75	4.30	0	18.30	NV1
56	060170	P08	PHẠM AN NHẬT KHANG	Nam	23/08/2010	Quảng Ngãi	6.00	7.25	5.00	0	18.25	NV1
57	060341	P15	PHẠM TÂN PHƯỚC	Nam	20/09/2010	Quảng Ngãi	7.00	5.75	5.50	0	18.25	NV1
58	060358	P15	HUỲNH TRƯỞNG TÚ QUYÊN	Nữ	06/04/2010	Quảng Ngãi	8.25	5.00	5.00	0	18.25	NV1
59	060425	P18	NGUYỄN MINH THU'	Nữ	14/07/2010	Quảng Ngãi	7.75	6.00	4.50	0	18.25	NV1
60	060485	P21	TỪ TÂN TÚ	Nam	14/06/2010	Quảng Ngãi	6.25	6.50	5.50	0	18.25	NV1
61	060456	P19	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG	Nữ	02/05/2010	Quảng Ngãi	8.25	4.75	5.20	0	18.20	NV1
62	060011	P01	ĐẶNG DIỆU ÁNH	Nữ	16/01/2010	Quảng Ngãi	7.25	6.50	4.40	0	18.15	NV1
63	060422	P18	VÕ AN THUYỀN	Nữ	13/03/2010	Quảng Ngãi	7.50	5.75	4.90	0	18.15	NV1
64	060051	P03	ĐINH CHÍ CÔNG	Nam	13/09/2010	Quảng Ngãi	6.25	6.75	5.10	0	18.10	NV1
65	060451	P19	PHẠM ÁNH TRÀ	Nữ	16/07/2010	Quảng Ngãi	8.00	5.25	4.80	0	18.05	NV1
66	060280	P12	LÊ TUẤN NGUYỄN	Nam	13/07/2010	Quảng Ngãi	5.75	5.25	7.00	0	18.00	NV1
67	060430	P18	PHẠM NGỌC HOÀI THƯƠNG	Nữ	02/03/2010	Quảng Ngãi	7.75	5.75	4.50	0	18.00	NV1
68	060115	P05	ĐỒNG GIA HÂN	Nữ	12/04/2010	Quảng Ngãi	7.00	7.00	3.90	0	17.90	NV1
69	060184	P08	PHẠM NGUYỄN ANH KHOA	Nam	20/05/2010	Quảng Ngãi	6.50	7.00	4.40	0	17.90	NV1
70	060174	P08	HUỲNH DUY KHÁNH	Nam	06/12/2010	Quảng Ngãi	7.25	6.00	4.50	0	17.75	NV1
71	060441	P19	TRẦN QUANG TIẾN	Nam	06/06/2010	Đăk Nông	7.50	3.75	6.50	0	17.75	NV1
72	060114	P05	NGUYỄN THỊ DIỄM HẰNG	Nữ	01/08/2010	Quảng Ngãi	6.00	5.00	6.70	0	17.70	NV1
73	060221	P10	ĐỖ NHƯ MAI	Nữ	04/05/2010	Quảng Ngãi	7.25	5.75	4.70	0	17.70	NV1
74	060526	P22	NGUYỄN THỊ HỒNG VINH	Nữ	16/09/2010	Quảng Ngãi	8.25	5.75	3.70	0	17.70	NV1
75	060278	P12	TRẦN LÊ CÁT NGUYỄN	Nữ	01/06/2010	Quảng Ngãi	8.00	5.75	3.90	0	17.65	NV1
76	060417	P18	BÙI THỊ THU THÙY	Nữ	15/01/2010	Quảng Ngãi	7.50	3.75	6.40	0	17.65	NV1
77	060067	P03	NGUYỄN NGỌC DUY	Nam	25/09/2010	Quảng Ngãi	7.50	3.50	6.60	0	17.60	NV1
78	060272	P12	NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN	Nam	04/01/2010	Quảng Ngãi	6.50	6.50	4.60	0	17.60	NV1
79	060311	P13	NGUYỄN TỪ NHƯ NIỆM	Nữ	05/07/2010	Quảng Ngãi	6.75	4.25	6.60	0	17.60	NV1

TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
80	060123	P06	NGUYỄN NGỌC HIỀN	Nam	02/10/2010	Quảng Ngãi	6.00	5.75	5.80	0	17.55	NV1
81	060301	P13	ĐỖ PHI QUỲNH	Nữ	06/08/2010	Quảng Ngãi	6.75	4.00	6.80	0	17.55	NV1
82	060228	P10	CAO NHẬT MINH	Nam	11/09/2010	Quảng Ngãi	6.00	5.00	6.50	0	17.50	NV1
83	060234	P10	LÊ HOÀI MY	Nữ	19/02/2010	Quảng Ngãi	6.50	6.00	5.00	0	17.50	NV1
84	060308	P13	VÕ NHẬT TÂM NHƯ	Nữ	10/08/2010	Quảng Ngãi	6.75	5.50	5.20	0	17.45	NV1
85	060472	P20	PHẠM THỊ TÚ TRINH	Nữ	13/03/2010	Quảng Ngãi	7.50	5.00	4.90	0	17.40	NV1
86	060270	P12	LÝ NHẬT THẢO NGUYỄN	Nữ	01/02/2010	Quảng Ngãi	7.50	5.75	4.10	0	17.35	NV1
87	060116	P05	NGUYỄN HOÀNG GIA HÂN	Nam	01/12/2010	Quảng Ngãi	5.75	6.25	5.30	0	17.30	NV1
88	060271	P12	NGUYỄN CAO PHÚC NGUYỄN	Nam	02/09/2009	Quảng Ngãi	6.25	4.25	6.80	0	17.30	NV1
89	060047	P02	TRẦN TRƯỞNG MỸ CHI	Nữ	24/03/2010	Quảng Ngãi	7.75	6.50	3.00	0	17.25	NV1
90	060329	P14	BÙI HẢI PHÚC	Nam	02/11/2010	Quảng Ngãi	4.50	5.75	7.00	0	17.25	NV1
91	060306	P13	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	11/03/2010	Quảng Ngãi	6.00	6.00	5.20	0	17.20	NV1
92	060378	P16	BÙI THỊ MINH THÁI	Nữ	23/04/2010	Hải Dương	6.75	6.50	3.90	0	17.15	NV1
93	060534	P23	NGUYỄN PHẠM KIỀU VY	Nữ	21/07/2010	Quảng Ngãi	5.50	5.00	6.60	0	17.10	NV1
94	060066	P03	ĐỖ QUỐC NHẬT DUY	Nam	06/05/2010	Quảng Ngãi	6.50	6.25	4.30	0	17.05	NV1
95	060209	P09	ĐẶNG THỊ KIM LONG	Nữ	10/10/2010	Quảng Ngãi	7.75	4.50	4.80	0	17.05	NV1
96	060063	P03	TRƯƠNG THỊ MỸ DUNG	Nữ	13/06/2010	Quảng Ngãi	6.75	5.00	5.20	0	16.95	NV1
97	060177	P08	NGUYỄN BẢO KHIÊM	Nam	25/12/2010	Quảng Ngãi	5.50	6.75	4.70	0	16.95	NV1
98	060195	P09	TRƯƠNG QUANG KIỀU	Nam	09/10/2010	Đồng Nai	6.50	6.75	3.70	0	16.95	NV1
99	060312	P13	BÙI THỊ QUỲNH NINH	Nữ	13/10/2010	Quảng Ngãi	5.75	7.00	4.20	0	16.95	NV1
100	060074	P04	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	Nam	19/04/2010	Quảng Ngãi	5.75	5.25	5.90	0	16.90	NV1
101	060236	P10	NGUYỄN NỮ KIỀU MY	Nữ	03/05/2010	Quảng Ngãi	7.50	5.00	4.40	0	16.90	NV1
102	060140	P06	ĐỖ NGUYỄN GIA HUY	Nam	20/07/2010	Quảng Ngãi	9.00	4.50	3.20	0	16.70	NV1
103	060160	P07	TRƯƠNG DUY KHA	Nam	01/01/2010	Quảng Ngãi	6.00	7.00	3.70	0	16.70	NV1
104	060258	P11	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	02/05/2010	Quảng Ngãi	6.25	7.25	3.20	0	16.70	NV1
105	060428	P18	ĐỖ THỊ KIM THƯƠNG	Nữ	18/06/2010	Quảng Ngãi	6.00	7.00	3.70	0	16.70	NV1
106	060387	P17	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	08/04/2010	Quảng Ngãi	7.00	6.00	3.60	0	16.60	NV1
107	060512	P22	PHAN THỊ HỒNG VI	Nữ	28/06/2010	Quảng Ngãi	7.75	4.25	4.60	0	16.60	NV1

TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh			
108	060100	P05	VÕ THỊ TRÀ	GIANG	Nữ	27/10/2010	Quảng Ngãi	7.00	5.75	3.80	0	16.55	NV1
109	060508	P22	PHẠM HỒNG	VĂN	Nam	16/12/2010	Quảng Ngãi	6.50	4.75	5.30	0	16.55	NV1
110	060404	P17	NGUYỄN HIẾU	THIÊN	Nam	10/11/2010	Quảng Ngãi	4.75	5.25	6.50	0	16.50	NV1
111	060429	P18	NGUYỄN DIỆU	THƯƠNG	Nữ	16/09/2010	Quảng Ngãi	8.25	4.25	4.00	0	16.50	NV1
112	060547	P23	NGUYỄN KIM	YẾN	Nữ	23/08/2010	Quảng Ngãi	4.50	4.75	7.20	0	16.45	NV1
113	060229	P10	NGUYỄN NHẬT	MINH	Nam	03/11/2010	Quảng Ngãi	6.75	5.25	4.40	0	16.40	NV1
114	060427	P18	TRẦN THỊ MINH	THU	Nữ	12/10/2010	Quảng Ngãi	7.00	5.50	3.90	0	16.40	NV1
115	060381	P16	PHẠM TÂN	THÀNH	Nam	26/08/2010	Quảng Ngãi	8.25	4.50	3.60	0	16.35	NV1
116	060537	P23	PHAN THÙY	VY	Nữ	28/06/2010	Quảng Ngãi	6.75	5.50	4.10	0	16.35	NV1
117	060112	P05	BÙI QUỐC	HÀO	Nam	14/06/2010	TP Hồ Chí Minh	6.00	5.00	5.30	0	16.30	NV1
118	060414	P18	NGUYỄN ĐỨC	THUẬT	Nam	23/09/2010	Quảng Ngãi	6.00	5.75	4.50	0	16.25	NV1
119	060343	P15	NGUYỄN HUỲNH MỸ	PHƯƠNG	Nữ	12/11/2010	Quảng Ngãi	6.75	5.75	3.70	0	16.20	NV1
120	060029	P02	NGUYỄN TRẦN GIA	BẢO	Nam	07/06/2010	Quảng Ngãi	5.00	6.75	4.40	0	16.15	NV1
121	060099	P05	NGUYỄN TRẦN HƯƠNG	GIANG	Nữ	18/05/2010	Quảng Ngãi	5.50	4.00	6.60	0	16.10	NV1
122	060240	P10	VÕ THỊ KIỀU	MY	Nữ	07/10/2010	Quảng Ngãi	7.25	3.25	5.60	0	16.10	NV1
123	060326	P14	NGUYỄN HOÀNG	PHONG	Nam	22/07/2010	Quảng Ngãi	7.00	5.00	4.10	0	16.10	NV1
124	060418	P18	NGUYỄN THỊ XUÂN	THÙY	Nữ	06/12/2010	Quảng Ngãi	6.75	6.25	3.10	0	16.10	NV1
125	060477	P20	TRƯƠNG LÊ THANH	TRÚC	Nữ	25/10/2010	Đà Nẵng	4.50	7.00	4.60	0	16.10	NV1
126	060152	P07	TÔN THỊ TRÚC	HUYỀN	Nữ	31/05/2010	Quảng Ngãi	6.50	5.75	3.80	0	16.05	NV1
127	060405	P17	BÙI VĂN QUỐC	THỊNH	Nam	27/09/2010	Gia Lai	6.25	6.50	3.30	0	16.05	NV1
128	060367	P16	VĂN TÂN	SANG	Nam	07/02/2010	Quảng Ngãi	7.00	3.50	5.40	0	15.90	NV1
129	060529	P23	PHẠM THỊ KIM	VŨ	Nữ	08/02/2010	Quảng Ngãi	7.00	5.00	3.90	0	15.90	NV1
130	060020	P01	LÊ GIA	BẢO	Nam	05/01/2010	Quảng Ngãi	6.25	6.00	3.60	0	15.85	NV1
131	060073	P04	ĐÀO ĐỒNG THỊ	DỰ	Nữ	19/01/2010	Quảng Ngãi	7.75	4.50	3.60	0	15.85	NV1
132	060104	P05	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	Nữ	28/05/2010	Quảng Ngãi	5.50	5.75	4.60	0	15.85	NV1
133	060279	P12	TRƯƠNG PHẠM TRƯỜNG	NGUYỄN	Nam	06/04/2010	Quảng Ngãi	6.50	4.25	5.10	0	15.85	NV1
134	060363	P16	TỪ DƯƠNG NGỌC DIỄM	QUỲNH	Nữ	02/11/2010	Quảng Ngãi	5.25	4.00	6.60	0	15.85	NV1
135	060062	P03	TRƯƠNG MỸ	DUNG	Nữ	17/08/2010	Quảng Ngãi	6.75	6.25	2.80	0	15.80	NV1

TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
136	060277	P12	PHẠM ĐÌNH NGUYỄN	Nam	15/06/2010	Quảng Ngãi	6.25	4.25	5.30	0	15.80	NV1
137	060330	P14	HUYNH THỊ XUÂN PHÚC	Nữ	14/10/2010	Quảng Ngãi	7.50	5.00	3.30	0	15.80	NV1
138	060435	P19	TRỊNH NGỌC ÁNH TIỀN	Nữ	10/05/2010	Quảng Ngãi	6.50	5.00	4.30	0	15.80	NV1
139	060324	P14	LÊ ANH PHONG	Nam	02/01/2010	Quảng Ngãi	5.00	6.75	4.00	0	15.75	NV1
140	060461	P20	PHAN ÁNH PHƯƠNG TRÂM	Nữ	07/08/2010	Quảng Ngãi	6.25	4.50	5.00	0	15.75	NV1
141	060083	P04	ĐINH VĂN ĐẠT	Nam	24/12/2010	Quảng Ngãi	7.25	5.75	2.70	0	15.70	NV1
142	060356	P15	NGUYỄN NGỌC QUÝ	Nam	12/06/2010	Quảng Ngãi	4.50	5.00	6.20	0	15.70	NV1
143	060019	P01	HUYNH QUỐC BẢO	Nam	15/10/2010	Quảng Ngãi	6.75	5.00	3.90	0	15.65	NV1
144	060408	P17	NGUYỄN VŨ NHẬT THÔNG	Nam	14/12/2010	Quảng Ngãi	5.50	5.75	4.40	0	15.65	NV1
145	060518	P22	TRẦN CHÍ VIỄN	Nam	09/07/2010	Quảng Ngãi	4.50	5.25	5.90	0	15.65	NV1
146	060028	P02	NGUYỄN THÀNH BẢO	Nam	12/11/2010	Quảng Ngãi	6.75	3.25	5.50	0	15.50	NV1
147	060086	P04	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	09/03/2010	Quảng Ngãi	8.00	3.50	4.00	0	15.50	NV1
148	060320	P14	NGUYỄN NGỌC TẤN PHÁT	Nam	12/10/2010	TP Hồ Chí Minh	5.00	4.00	6.50	0	15.50	NV1
149	060081	P04	BÙI PHÁT ĐẠT	Nam	11/01/2010	Quảng Ngãi	6.25	4.00	5.20	0	15.45	NV1
150	060204	P09	ĐẶNG HÀ KHÁNH LINH	Nữ	29/06/2010	Quảng Ngãi	7.00	2.75	5.70	0	15.45	NV1
151	060478	P20	NGUYỄN TẤN TRUNG	Nam	20/09/2010	Quảng Ngãi	4.00	5.75	5.70	0	15.45	NV1
152	060005	P01	PHẠM TRẦN THANH AN	Nữ	07/01/2010	Quảng Ngãi	3.00	6.50	5.90	0	15.40	NV1
153	060369	P16	NGUYỄN HỒNG SINH	Nam	03/11/2010	Quảng Ngãi	5.50	6.00	3.90	0	15.40	NV1
154	060399	P17	VÕ VĂN THẮNG	Nam	11/03/2010	Quảng Ngãi	4.50	6.25	4.60	0	15.35	NV1
155	060166	P07	BÙI GIA KHANG	Nam	19/09/2010	Quảng Ngãi	6.50	5.50	3.30	0	15.30	NV1
156	060289	P13	HUYNH TẤN NHẬT	Nam	10/05/2010	Quảng Ngãi	5.25	5.25	4.80	0	15.30	NV1
157	060237	P10	NGUYỄN THOẠI MY	Nữ	24/09/2010	Quảng Ngãi	6.25	5.00	4.00	0	15.25	NV1
158	060257	P11	ĐẶNG QUỲNH NHƯ NGỌC	Nữ	15/04/2010	Quảng Ngãi	6.75	6.00	2.50	0	15.25	NV1
159	060288	P12	ĐẶNG LÊ HOÀNG NHẬT	Nam	11/03/2010	Quảng Ngãi	7.25	4.50	3.50	0	15.25	NV1
160	060328	P14	BÙI THIÊN PHÚ	Nam	19/06/2010	Quảng Ngãi	6.50	3.75	5.00	0	15.25	NV1
161	060406	P17	HỒ TRƯỞNG NHẬT THỊNH	Nam	19/04/2010	Quảng Ngãi	8.50	4.25	2.50	0	15.25	NV1
162	060509	P22	NGÔ THANH VÂN	Nữ	15/05/2010	Quảng Ngãi	7.75	4.50	3.00	0	15.25	NV1
163	060247	P11	ĐỖ HẰNG NGA	Nữ	20/05/2010	Quảng Ngãi	5.50	5.00	4.70	0	15.20	NV1

TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
164	060347	P15	TRƯƠNG THỊ KIM PHƯƠNG	Nữ	15/08/2010	Quảng Ngãi	7.00	5.50	2.70	0	15.20	NV1
165	060350	P15	NGUYỄN DUY QUÂN	Nam	20/12/2010	Quảng Ngãi	7.50	4.50	3.20	0	15.20	NV1
166	060489	P21	PHẠM HUỖNH ANH TUẤN	Nam	04/10/2010	TP Hồ Chí Minh	6.50	4.50	4.20	0	15.20	NV1
167	060133	P06	NGUYỄN TẤN HOÀNG	Nam	10/05/2010	TP Hồ Chí Minh	7.00	4.75	3.40	0	15.15	NV1
168	060345	P15	TỪ NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Nữ	26/09/2010	Quảng Ngãi	8.25	4.50	2.40	0	15.15	NV1
169	060420	P18	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	Nữ	24/10/2010	Quảng Ngãi	8.50	4.25	2.40	0	15.15	NV1
170	060520	P22	VÕ LÊ QUỐC VIỆT	Nam	12/07/2010	Quảng Ngãi	4.50	5.75	4.90	0	15.15	NV1
171	060546	P23	LÊ THỊ NGỌC YẾN	Nữ	22/10/2010	Quảng Ngãi	7.00	2.75	5.40	0	15.15	NV1
172	060001	P01	DƯƠNG GIA AN	Nam	27/09/2010	Quảng Nam	6.00	4.00	5.10	0	15.10	NV1
173	060316	P14	ĐẶNG VƯƠNG PHÁT	Nam	28/03/2010	Quảng Ngãi	6.00	5.00	4.10	0	15.10	NV1
174	060351	P15	NGUYỄN MẠNH QUÂN	Nam	11/02/2010	Quảng Ngãi	6.75	3.25	5.10	0	15.10	NV1
175	060401	P17	DƯƠNG ĐÌNH THI	Nam	24/08/2010	Quảng Ngãi	5.75	5.25	4.10	0	15.10	NV1
176	060107	P05	NGUYỄN HỮU NHẤT HÀNG	Nam	17/09/2010	Quảng Ngãi	5.75	5.50	3.80	0	15.05	NV1
177	060109	P05	HUỖNH THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	23/12/2010	Bình Dương	5.75	6.50	2.80	0	15.05	NV1
178	060121	P06	TRƯƠNG QUANG HẬU	Nam	10/01/2010	Quảng Ngãi	7.75	5.50	1.80	0	15.05	NV1
179	060519	P22	ĐÌNH ANH VIỆT	Nam	04/09/2010	Quảng Ngãi	5.50	5.25	4.30	0	15.05	NV1
180	060068	P03	BÙI ĐOÀN KỶ DUYÊN	Nữ	07/06/2010	Quảng Ngãi	6.75	1.75	6.50	0	15.00	NV1
181	060336	P14	NGUYỄN THỊ DIỄM PHÚC	Nữ	12/11/2010	Quảng Ngãi	6.25	4.75	4.00	0	15.00	NV1
182	060498	P21	LƯƠNG THỊ KIM TUYẾN	Nữ	01/01/2010	Quảng Ngãi	7.50	5.00	2.50	0	15.00	NV1
183	060060	P03	NGUYỄN THỊ THÚY DIỄM	Nữ	29/08/2010	Quảng Ngãi	7.50	3.25	4.20	0	14.95	NV1
184	060193	P09	PHẠM THỊ ANH KIỀU	Nữ	17/09/2010	Quảng Ngãi	8.00	4.75	2.20	0	14.95	NV1
185	060201	P09	NGUYỄN VÕ TẤN LÊNH	Nam	21/10/2010	Đak Lak	8.00	3.75	3.20	0	14.95	NV1
186	060090	P04	PHẠM THỊ ĐÌNH	Nữ	18/04/2010	Quảng Ngãi	6.50	5.50	2.90	0	14.90	NV1
187	060253	P11	ĐẶNG TRƯỜNG NGHĨA	Nam	10/09/2010	TP Hồ Chí Minh	5.75	2.75	6.40	0	14.90	NV1
188	060515	P22	LÝ XUÂN VIÊN	Nữ	19/02/2010	Quảng Ngãi	7.00	4.50	3.40	0	14.90	NV1
189	060002	P01	ĐOÀN NGỌC KHÁNH AN	Nữ	18/11/2010	Quảng Ngãi	6.25	4.00	4.60	0	14.85	NV1
190	060192	P08	PHẠM QUỐC KIỆT	Nam	27/12/2010	Quảng Ngãi	3.75	6.00	5.10	0	14.85	NV1
191	060124	P06	ĐỖ ĐÌNH HIỆP	Nam	20/02/2010	Quảng Ngãi	4.25	6.50	4.00	0	14.75	NV1

TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh			
192	060471	P20	PHẠM NỮ KIỀU	TRINH	Nữ	05/04/2010	Quảng Ngãi	4.75	6.25	3.70	0	14.70	NV1
193	060496	P21	HUỖNH NGỌC THANH	TUYỀN	Nữ	12/05/2010	Quảng Ngãi	7.00	4.50	3.20	0	14.70	NV1
194	060376	P16	ĐOÀN NGỌC	TÂN	Nam	19/05/2010	ĐăkLăk	7.50	3.75	3.30	0	14.55	NV1
195	060208	P09	BÙI HUY PHI	LONG	Nam	01/02/2010	Quảng Ngãi	6.75	4.25	3.50	0	14.50	NV1
196	060056	P03	NGUYỄN ĐỖ KHÁNH	DI	Nữ	09/05/2010	Quảng Ngãi	5.00	5.25	4.20	0	14.45	NV1
197	060098	P05	NGUYỄN THỊ TRÀ	GIANG	Nữ	07/02/2010	Quảng Ngãi	7.25	3.50	3.70	0	14.45	NV1
198	060334	P14	NGUYỄN THANH	PHÚC	Nam	02/01/2010	Quảng Ngãi	5.50	5.75	3.20	0	14.45	NV1
199	060384	P16	ĐẶNG GIA	THẠNH	Nam	04/07/2010	Quảng Ngãi	7.00	5.75	1.60	0	14.35	NV1
200	060137	P06	VÕ NHƯ	HỒNG	Nữ	02/02/2010	Quảng Ngãi	7.00	5.00	2.30	0	14.30	NV1
201	060342	P15	BÙI LÊ BÍCH	PHƯƠNG	Nữ	30/08/2010	Quảng Ngãi	5.25	5.25	3.80	0	14.30	NV1
202	060120	P05	PHAN NGUYỄN GIA	HÂN	Nữ	18/01/2010	Quảng Ngãi	5.75	3.00	5.50	0	14.25	NV1
203	060251	P11	NGUYỄN LÊ THẢO	NGÂN	Nữ	07/07/2010	Quảng Ngãi	5.50	4.50	4.20	0	14.20	NV1
204	060545	P23	HÀ TRẦN HẢI	YẾN	Nữ	10/03/2010	Quảng Ngãi	5.50	4.00	4.70	0	14.20	NV1
205	060298	P13	TRẦN LÊ YẾN	NHI	Nữ	26/09/2010	Quảng Ngãi	6.00	5.25	2.90	0	14.15	NV1
206	060331	P14	LƯƠNG THẾ NGỌC	PHÚC	Nam	14/11/2010	Quảng Ngãi	5.25	3.50	5.40	0	14.15	NV1
207	060532	P23	LÊ THỊ QUỲNH	VY	Nữ	02/03/2010	Quảng Ngãi	8.00	3.25	2.90	0	14.15	NV1
208	060108	P05	ĐẶNG THỊ MỸ	HẠNH	Nữ	23/11/2010	Quảng Ngãi	6.25	4.25	3.60	0	14.10	NV1
209	060302	P13	ĐÀO VĂN ANH	NHỎ	Nam	18/05/2010	Quảng Ngãi	5.50	4.00	4.60	0	14.10	NV1
210	060009	P01	PHẠM VÕ TRÂM	ANH	Nữ	08/02/2010	Quảng Ngãi	6.00	4.25	3.80	0	14.05	NV1
211	060070	P03	NGUYỄN BẠCH PHƯƠNG	DUYÊN	Nữ	29/10/2010	Quảng Ngãi	5.25	4.50	4.30	0	14.05	NV1
212	060080	P04	BẠCH VĂN	ĐẠT	Nam	10/02/2010	Quảng Ngãi	5.00	4.25	4.80	0	14.05	NV1
213	060135	P06	VÕ THỊ KIỀU	HOANH	Nữ	13/12/2010	Quảng Ngãi	7.75	3.00	3.30	0	14.05	NV1
214	060238	P10	NGUYỄN VY THẢO	MY	Nữ	30/11/2010	Quảng Ngãi	7.00	3.25	3.80	0	14.05	NV1
215	060327	P14	NGUYỄN TÂN	PHONG	Nam	11/10/2010	Quảng Ngãi	5.25	4.00	4.80	0	14.05	NV1
216	060539	P23	VÕ LÂM KIM	VY	Nữ	17/11/2010	Quảng Ngãi	6.25	5.00	2.80	0	14.05	NV1
217	060128	P06	NGUYỄN THỊ CHÍ	HÒA	Nữ	20/01/2010	Quảng Ngãi	8.25	2.75	3.00	0	14.00	NV1
218	060164	P07	TRẦN VY	KHẢI	Nam	11/08/2010	Quảng Ngãi	4.00	4.00	6.00	0	14.00	NV1
219	060043	P02	LÊ VÕ QUỲNH	CHÂU	Nữ	09/09/2010	Quảng Ngãi	4.25	4.00	5.70	0	13.95	NV1

TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
220	060296	P13	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	Nữ	18/03/2010	Quảng Ngãi	7.25	3.25	3.40	0	13.90	NV1
221	060434	P19	PHẠM THỊ THỦY TIÊN	Nữ	31/07/2010	Quảng Ngãi	6.75	3.25	3.90	0	13.90	NV1
222	060491	P21	TRẦN LÊ QUỐC TUẤN	Nam	28/07/2010	Quảng Ngãi	6.75	2.75	4.40	0	13.90	NV1
223	060514	P22	PHẠM HOÀNG VĨ	Nam	30/01/2010	Quảng Ngãi	5.25	5.25	3.40	0	13.90	NV1
224	060129	P06	NGUYỄN THỊ MỸ HÒA	Nữ	02/10/2010	Quảng Ngãi	7.50	3.25	3.10	0	13.85	NV1
225	060235	P10	NGUYỄN HUỲNH BẢO MY	Nữ	08/07/2010	Quảng Ngãi	6.75	3.50	3.60	0	13.85	NV1
226	060321	P14	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	22/07/2010	Quảng Ngãi	5.50	3.00	5.30	0	13.80	NV1
227	060188	P08	NGUYỄN MINH KIÊN	Nam	09/11/2010	Quảng Ngãi	6.25	1.00	6.50	0	13.75	NV1
228	060285	P12	NGUYỄN VŨ THIỆN NHÂN	Nam	09/05/2010	Quảng Ngãi	6.00	3.25	4.50	0	13.75	NV1
229	060530	P23	ĐÀO THỊ THẢO VY	Nữ	08/01/2010	Quảng Ngãi	8.50	2.75	2.50	0	13.75	NV1
230	060026	P02	NGUYỄN HOÀI BẢO	Nam	17/04/2010	Quảng Ngãi	6.50	3.50	3.70	0	13.70	NV1
231	060034	P02	TRẦN VĂN BẢO	Nam	10/08/2009	Bình Dương	6.75	3.25	3.70	0	13.70	NV1
232	060046	P02	BÙI NGUYỄN KIM CHI	Nữ	03/11/2010	Quảng Ngãi	7.25	3.75	2.70	0	13.70	NV1
233	060361	P16	LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	25/11/2010	Quảng Ngãi	6.75	4.25	2.70	0	13.70	NV1
234	060540	P23	VÕ NGỌC KHÁNH VY	Nữ	29/09/2010	Quảng Nam	4.75	4.75	4.20	0	13.70	NV1
235	060390	P17	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	15/11/2010	Quảng Ngãi	7.00	4.25	2.40	0	13.65	NV1
236	060102	P05	CAM DƯƠNG MỸ HÀ	Nữ	29/11/2010	Quảng Ngãi	4.00	5.50	4.10	0	13.60	NV1
237	060122	P06	ĐINH THỊ THANH HIỀN	Nữ	26/10/2010	Quảng Ngãi	6.50	3.25	3.80	0	13.55	NV1
238	060239	P10	PHẠM THỊ ANH MY	Nữ	27/01/2010	Quảng Nam	6.00	2.25	5.30	0	13.55	NV1
239	060483	P21	LÊ ANH TUẤN TÚ	Nam	20/02/2010	Quảng Ngãi	6.00	3.75	3.80	0	13.55	NV1
240	060078	P04	TÔN LONG HOÀNG ĐẠI	Nam	11/07/2010	Quảng Ngãi	6.50	4.00	3.00	0	13.50	NV1
241	060323	P14	VÕ ĐÌNH PHÁT	Nam	04/10/2009	Quảng Ngãi	6.50	4.50	2.50	0	13.50	NV1
242	060261	P11	NGUYỄN THỊ KIM NGỌC	Nữ	12/11/2010	Quảng Ngãi	4.00	5.75	3.70	0	13.45	NV1
243	060493	P21	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	Nam	05/11/2010	Quảng Ngãi	5.00	2.75	5.70	0	13.45	NV1
244	060273	P12	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	Nam	02/10/2010	Đắk Lắk	5.50	3.00	4.90	0	13.40	NV1
245	060189	P08	NGUYỄN TRỌNG KIÊN	Nam	24/03/2009	Quảng Ngãi	6.75	4.50	2.10	0	13.35	NV1
246	060254	P11	NGUYỄN HỮU NGHĨA	Nam	14/12/2010	Quảng Ngãi	4.00	3.75	5.60	0	13.35	NV1
247	060455	P19	NGUYỄN THỊ KIM TRANG	Nữ	28/02/2010	Quảng Ngãi	7.00	2.25	4.10	0	13.35	NV1

TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
248	060364	P16	NGUYỄN HỮU RIN	Nam	20/03/2010	Quảng Ngãi	7.25	2.75	3.30	0	13.30	NV1
249	060039	P02	NGUYỄN THỊ NHƯ CẨM	Nữ	17/10/2010	Quảng Ngãi	6.50	2.75	4.00	0	13.25	NV1
250	060042	P02	HUỖNH THỊ NGỌC CHÂU	Nữ	03/03/2010	Quảng Ngãi	6.25	4.50	2.50	0	13.25	NV1
251	060232	P10	CAO TRẦN NGỌC MY	Nữ	01/11/2010	Quảng Ngãi	5.50	4.75	3.00	0	13.25	NV1
252	060093	P04	VÕ VĂN ĐỨC	Nam	19/10/2010	Quảng Ngãi	4.50	5.00	3.70	0	13.20	NV1
253	060521	P22	ĐỖ MINH VINH	Nam	01/02/2010	TP Hồ Chí Minh	6.75	3.75	2.70	0	13.20	NV1
254	060190	P08	VÕ THÀNH KIÊN	Nam	08/02/2010	Quảng Ngãi	4.50	5.25	3.40	0	13.15	NV1
255	060497	P21	VŨ PHẠM THANH TUYỀN	Nữ	28/02/2010	Quảng Ngãi	5.25	5.00	2.90	0	13.15	NV1
256	060196	P09	NGUYỄN HUỖNH HOÀNG KIM	Nữ	22/06/2010	Vĩnh Long	5.50	2.50	5.10	0	13.10	NV1
257	060059	P03	NGUYỄN THỊ MINH DIỄM	Nữ	25/05/2010	Quảng Ngãi	6.25	5.50	1.30	0	13.05	NV1
258	060379	P16	BÙI ĐỨC THÀNH	Nam	02/08/2010	Quảng Ngãi	7.25	2.00	3.80	0	13.05	NV1
259	060416	P18	NGUYỄN THỊ THANH THUY	Nữ	12/11/2010	Đắk Lắk	4.50	4.75	3.80	0	13.05	NV1
260	060443	P19	VÕ LÊ TRẦN TIẾN	Nam	18/11/2010	Quảng Ngãi	6.25	3.00	3.80	0	13.05	NV1
261	060003	P01	NGUYỄN MINH AN	Nam	21/02/2010	Quảng Ngãi	5.75	3.25	4.00	0	13.00	NV1
262	060487	P21	ĐỖ ANH TUẤN	Nam	17/06/2010	Quảng Ngãi	5.00	4.50	3.50	0	13.00	NV1
263	060141	P06	NGÔ LÝ TRƯỜNG HUY	Nam	19/01/2010	Quảng Ngãi	6.25	3.00	3.70	0	12.95	NV1
264	060182	P08	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	28/07/2010	Quảng Ngãi	6.00	4.25	2.70	0	12.95	NV1
265	060230	P10	PHẠM VIỆT MINH	Nam	24/10/2010	Đà Nẵng	5.75	3.50	3.70	0	12.95	NV1
266	060264	P11	TÔN THỊ KIM NGỌC	Nữ	17/11/2010	Quảng Ngãi	5.50	4.25	3.20	0	12.95	NV1
267	060075	P04	NGUYỄN THẾ DƯƠNG	Nam	30/03/2010	Quảng Ngãi	5.75	3.75	3.40	0	12.90	NV1
268	060433	P19	NGUYỄN THỊ CẨM TIÊN	Nữ	19/09/2009	Quảng Ngãi	6.25	4.75	1.90	0	12.90	NV1
269	060468	P20	BÙI ĐỖ KIỀU TRINH	Nữ	01/01/2010	Quảng Ngãi	4.75	4.25	3.90	0	12.90	NV1
270	060053	P03	NGUYỄN NHƯ CÔNG	Nam	10/02/2010	Quảng Ngãi	5.50	3.25	4.10	0	12.85	NV1
271	060113	P05	ĐẶNG PHẠM MINH HẰNG	Nữ	11/09/2010	Quảng Ngãi	4.50	5.75	2.60	0	12.85	NV1
272	060202	P09	VÕ HOÀNG LIÊM	Nam	18/02/2010	Quảng Ngãi	5.00	3.75	4.10	0	12.85	NV1
273	060036	P02	TRẦN KHÁNH BĂNG	Nữ	21/08/2010	Quảng Ngãi	7.25	3.25	2.30	0	12.80	NV1
274	060134	P06	VÕ LÊ BÁ HOÀNG	Nam	11/04/2010	TP Hồ Chí Minh	8.25	1.25	3.30	0	12.80	NV1
275	060314	P14	NGUYỄN TRUNG OANH	Nữ	22/07/2010	Quảng Ngãi	5.25	4.75	2.80	0	12.80	NV1

TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
276	060524	P22	NGUYỄN THANH VINH	Nam	26/10/2010	Quảng Ngãi	4.00	3.50	5.30	0	12.80	NV1
277	060021	P01	LÊ NGỌC GIA BẢO	Nam	13/07/2010	Quảng Ngãi	5.00	4.25	3.50	0	12.75	NV1
278	060038	P02	PHẠM DUY BÌNH	Nam	11/09/2010	Quảng Ngãi	6.00	3.75	3.00	0	12.75	NV1
279	060175	P08	NGUYỄN TIẾN KHÁNH	Nam	24/09/2010	Quảng Ngãi	5.75	4.00	3.00	0	12.75	NV1
280	060216	P09	PHẠM THẮNG LỢI	Nam	14/02/2010	Quảng Ngãi	7.00	3.25	2.50	0	12.75	NV1
281	060305	P13	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	25/07/2010	Quảng Ngãi	5.00	3.00	4.70	0	12.70	NV1
282	060391	P17	TRƯƠNG HIẾU THẢO	Nữ	26/12/2010	Quảng Ngãi	4.75	3.75	4.20	0	12.70	NV1
283	060531	P23	ĐẶNG THẢO VY	Nữ	12/08/2010	Quảng Ngãi	6.00	2.00	4.70	0	12.70	NV1
284	060071	P03	NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	Nữ	01/05/2010	Phú Yên	7.00	1.75	3.90	0	12.65	NV1
285	060181	P08	NGUYỄN BÙI ANH KHOA	Nam	20/10/2010	Quảng Ngãi	5.25	3.50	3.90	0	12.65	NV1
286	060510	P22	NGUYỄN THỊ NGỌC VÂN	Nữ	26/04/2010	Quảng Ngãi	6.25	3.75	2.60	0	12.60	NV1
287	060535	P23	NGUYỄN THỊ DIỆU VY	Nữ	07/02/2010	Quảng Ngãi	6.50	2.00	4.10	0	12.60	NV1
288	060465	P20	LÊ THIÊN QUANG TRÍ	Nam	19/10/2010	Quảng Ngãi	5.25	2.50	4.80	0	12.55	NV1
289	060064	P03	LÊ QUỐC DŨNG	Nam	02/10/2010	Phú Yên	6.00	3.25	3.20	0	12.45	NV1
290	060335	P14	NGUYỄN THỊ DIỄM PHÚC	Nữ	16/02/2010	Quảng Ngãi	5.25	4.50	2.70	0	12.45	NV1
291	060145	P07	NGUYỄN TẤN HUY	Nam	29/11/2010	Quảng Ngãi	4.25	5.75	2.40	0	12.40	NV1
292	060310	P13	ĐỖ THỊ MỸ NI	Nữ	18/06/2009	Quảng Ngãi	6.00	3.50	2.90	0	12.40	NV1
293	060394	P17	LÊ HUỲNH MINH THẮNG	Nam	24/01/2010	Quảng Ngãi	5.50	4.50	2.40	0	12.40	NV1
294	060303	P13	LÊ NGUYỄN GIA NHƯ	Nữ	18/08/2010	Quảng Ngãi	4.50	3.25	4.60	0	12.35	NV1
295	060050	P03	VÕ HUỲNH VĂN CHUÔNG	Nam	13/04/2010	Quảng Ngãi	4.00	4.50	3.80	0	12.30	NV1
296	060052	P03	LÊ VŨ THÀNH CÔNG	Nam	02/04/2010	Quảng Ngãi	5.25	3.75	3.30	0	12.30	NV1
297	060079	P04	LÊ HUỲNH ĐỨC ĐẠO	Nam	15/03/2009	Quảng Ngãi	6.00	2.25	4.00	0	12.25	NV1
298	060365	P16	ĐOÀN NGỌC SANG	Nam	19/08/2009	Quảng Ngãi	4.50	3.50	4.20	0	12.20	NV1
299	060371	P16	NGUYỄN THANH SỸ	Nam	24/08/2010	Quảng Ngãi	5.75	2.75	3.70	0	12.20	NV1
300	060218	P10	MAI VĂN LUẬT	Nam	18/07/2010	Quảng Ngãi	4.50	4.75	2.90	0	12.15	NV1
301	060513	P22	MAI HÙNG VĨ	Nam	21/04/2010	Quảng Ngãi	6.50	4.25	1.40	0	12.15	NV1
302	060313	P14	HUỲNH THỊ TRÚC NY	Nữ	26/04/2010	Quảng Ngãi	5.50	4.50	2.10	0	12.10	NV1
303	060525	P22	NGUYỄN THẾ VINH	Nam	21/06/2010	Quảng Ngãi	3.25	5.75	3.10	0	12.10	NV1

TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
304	060207	P09	TRẦN NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN	Nữ	04/12/2010	Quảng Ngãi	7.50	1.75	2.70	0	11.95	NV1
305	060317	P14	NGUYỄN HỒ TẤN PHÁT	Nam	28/01/2010	Quảng Ngãi	5.00	2.75	4.20	0	11.95	NV1
306	060490	P21	PHẠM MINH TUẤN	Nam	19/09/2010	Quảng Ngãi	4.75	2.00	5.20	0	11.95	NV1
307	060065	P03	BÙI ĐỨC DUY	Nam	01/01/2010	Quảng Ngãi	5.25	3.25	3.40	0	11.90	NV1
308	060442	P19	TRƯƠNG QUANG TIẾN	Nam	05/03/2010	Quảng Ngãi	4.50	3.50	3.90	0	11.90	NV1
309	060096	P04	ĐỖ LƯƠNG GIANG	Nam	11/05/2010	Quảng Ngãi	5.50	2.75	3.60	0	11.85	NV1
310	060106	P05	BÙI GIA HẢI	Nam	30/01/2010	Quảng Ngãi	4.75	3.50	3.60	0	11.85	NV1
311	060156	P07	VY THANH QUỐC HUNG	Nam	30/08/2010	Quảng Ngãi	6.00	3.25	2.60	0	11.85	NV1
312	060206	P09	PHAN THỊ MAI LINH	Nữ	21/08/2010	Quảng Ngãi	5.75	4.00	2.10	0	11.85	NV1
313	060421	P18	LƯƠNG THỊ THANH THÚY	Nữ	22/07/2010	Quảng Trị	5.75	3.50	2.60	0	11.85	NV1
314	060185	P08	TÔN LONG KHOA	Nam	31/08/2010	Quảng Ngãi	6.50	3.00	2.30	0	11.80	NV1
315	060040	P02	ĐẶNG THỊ DIỆU CHÂU	Nữ	12/04/2010	Quảng Ngãi	5.25	4.50	2.00	0	11.75	NV1
316	060082	P04	BÙI THÀNH ĐẠT	Nam	01/04/2010	Quảng Ngãi	6.25	2.00	3.50	0	11.75	NV1
317	060299	P13	TRẦN THỊ VÂN NHI	Nữ	04/09/2010	Quảng Ngãi	4.50	1.75	5.50	0	11.75	NV1
318	100256	P11	PHẠM CÔNG MINH NHẬT	Nam	15/10/2010	Quảng Ngãi	6.50	2.75	5.50	0	14.75	NV2
319	050239	P10	NGUYỄN NHẬT NHÂN	Nam	30/01/2010	Quảng Ngãi	4.50	5.75	4.10	0	14.35	NV2
320	050271	P12	PHAN HOÀNG PHONG	Nam	10/10/2010	Quảng Ngãi	7.25	2.75	3.90	0	13.90	NV2
321	050439	P19	TRẦN NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	01/11/2010	Quảng Ngãi	5.50	5.25	2.70	0	13.45	NV2
322	050105	P05	TRƯƠNG PHÚC HIẾU	Nam	27/01/2010	Quảng Ngãi	5.00	2.75	5.50	0	13.25	NV2
323	110146	P07	PHẠM THỊ MỸ HUYỀN	Nữ	19/03/2010	Quảng Ngãi	7.75	2.25	3.20	0	13.20	NV2
324	110412	P18	NGUYỄN VĂN TẤN	Nam	10/06/2010	Quảng Ngãi	5.50	5.00	2.70	0	13.20	NV2
325	110575	P24	ĐỖ HẢI YẾN	Nữ	19/02/2010	Quảng Ngãi	4.50	3.50	5.20	0	13.20	NV2
326	110469	P20	NGUYỄN HOÀNG AN THY	Nữ	12/10/2010	Quảng Ngãi	5.00	3.25	4.90	0	13.15	NV2
327	110111	P05	THÁI TRƯƠNG GIA HÂN	Nữ	12/01/2010	Quảng Ngãi	6.50	4.00	2.60	0	13.10	NV2
328	110287	P12	TRẦN THỊ THU NGÂN	Nữ	09/08/2010	Quảng Ngãi	4.50	4.00	4.60	0	13.10	NV2
329	110547	P23	LÊ THANH VÂN	Nữ	16/12/2009	Quảng Ngãi	6.00	2.50	4.60	0	13.10	NV2
330	050245	P11	LÝ HUỲNH MINH NHẬT	Nam	25/03/2010	Quảng Ngãi	5.25	2.00	5.70	0	12.95	NV2
331	110278	P12	BÙI HOÀNG KIM NGÂN	Nữ	30/01/2010	Quảng Ngãi	4.00	5.50	3.40	0	12.90	NV2

TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
332	110292	P13	BÙI THỊ BẢO NGỌC	Nữ	05/01/2010	Đà Nẵng	6.75	2.75	3.40	0	12.90	NV2
333	050072	P03	TRẦN THANH ĐÌNH	Nam	18/08/2010	Quảng Ngãi	3.25	5.25	4.40	0	12.90	NV2
334	100063	P03	LÊ THIÊN ĐẠT	Nam	07/01/2010	Quảng Ngãi	5.50	3.50	3.80	0	12.80	NV2
335	100263	P11	ĐOÀN GIAO AN NHIÊN	Nữ	30/08/2010	Đà Nẵng	4.50	3.00	5.30	0	12.80	NV2
336	110572	P24	VÕ ĐẶNG VĂN VỸ	Nam	30/01/2010	Quảng Ngãi	6.00	3.50	3.30	0	12.80	NV2
337	110573	P24	ĐÌNH NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	20/05/2010	Quảng Ngãi	6.00	4.00	2.80	0	12.80	NV2